

Số: 332/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng giấy khen cho sinh viên Ngành Hệ thống Thông tin
Đạt thành tích tốt Trong học tập và rèn luyện
Học kỳ 1 năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-ĐHCNTT-CTSV ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên học kỳ 1 năm học 2021 - 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho 392 sinh viên Ngành Hệ thống Thông tin đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2: Sinh viên được nhận giấy khen của Ban Giám hiệu Nhà trường.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Phòng Ban chức năng có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN
CÓ THÀNH TÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN TỐT
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 332/QĐ-ĐHCNTT ngày 18 tháng 5 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
1.	18520465	Nguyễn Tuấn Anh	CTTT2018	8.37	96	Giỏi
2.	18520494	Nguyễn Văn Bảo	CTTT2018	8.15	91	Giỏi
3.	18520510	Tạ Thị Kim Bình	CTTT2018	8.59	100	Giỏi
4.	18520526	Cao Quyết Chiến	CTTT2018	8.98	100	Giỏi
5.	18520692	Nguyễn Thị Khánh Hà	CTTT2018	8.14	100	Giỏi
6.	18520719	Trương Vĩ Hào	CTTT2018	8.55	100	Giỏi
7.	18520726	Đỗ Hoàng Hiệp	CTTT2018	8.76	100	Giỏi
8.	18520771	Đinh Thị Mỹ Hoàn	CTTT2018	9.01	100	Xuất sắc
9.	18520790	Đặng Quang Hưng	CTTT2018	9.01	100	Xuất sắc
10.	18520791	Đinh Xuân Hùng	CTTT2018	9.04	100	Xuất sắc
11.	18520885	Lâm Lê Đình Khang	CTTT2018	9.24	100	Xuất sắc
12.	18520911	Đặng Quốc Khoa	CTTT2018	9.01	100	Xuất sắc
13.	18520925	Nguyễn Lê Khoa	CTTT2018	9.11	100	Xuất sắc
14.	18520957	Phạm Trung Kiên	CTTT2018	8.48	86	Giỏi
15.	18521000	Trương Thị Ngọc Linh	CTTT2018	8.49	100	Giỏi
16.	18521002	Bùi Tấn Lộc	CTTT2018	8.75	91	Giỏi
17.	18521043	Nguyễn Phi Long	CTTT2018	8.7	100	Giỏi
18.	18521123	Lê Trần Bảo Nam	CTTT2018	9.01	96	Xuất sắc
19.	18521130	Phan Hoàng Nam	CTTT2018	8.79	100	Giỏi
20.	18521137	Triệu Kim Ngân	CTTT2018	8.27	100	Giỏi
21.	18521159	Ngô Phan Phúc Nguyên	CTTT2018	9.11	100	Xuất sắc
22.	18521258	Nguyễn Tấn Phúc	CTTT2018	8.49	91	Giỏi
23.	18521276	Nguyễn Duy Phương	CTTT2018	8.24	100	Giỏi
24.	18521307	Hà Huy Quốc	CTTT2018	8.45	91	Giỏi
25.	18521450	Trần Đức Thịnh	CTTT2018	8.61	100	Giỏi
26.	18521507	Nguyễn Hữu Toàn	CTTT2018	8.19	91	Giỏi
27.	18521698	Trương Văn Sỹ	CTTT2019.1	8.57	100	Giỏi
28.	19521037	Lương Thị Thùy Trang	CTTT2019.1	8.56	100	Giỏi
29.	19521283	Lê Thị Kim Chi	CTTT2019.1	8.73	100	Giỏi
30.	19521770	Ngô Đắc Lợi	CTTT2019.1	8.09	96	Giỏi
31.	19521856	Trần Quang Minh	CTTT2019.2	8.5	100	Giỏi
32.	19522188	Nguyễn Đức Thông Thái	CTTT2019.2	8.93	100	Giỏi
33.	19522348	Lê Đức Tín	CTTT2019.2	8.58	100	Giỏi
34.	20521175	Phạm Thành Đạt	CTTT2020	9.06	100	Xuất sắc

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
35.	20521199	Nguyễn Trần Chí Đức	CTTT2020	8.19	91	Giỏi
36.	20521221	Phạm Thị Thùy Dương	CTTT2020	8.6	100	Giỏi
37.	20521266	Bùi Thu Hà	CTTT2020	8.24	100	Giỏi
38.	20521331	Lê Quang Hòa	CTTT2020	8.84	95	Giỏi
39.	20521350	Thiều Huy Hoàng	CTTT2020	8.83	100	Giỏi
40.	20521370	Nguyễn Thúc Hoàng Hùng	CTTT2020	8.56	95	Giỏi
41.	20521381	Kiều Xuân Diệu Hương	CTTT2020	8.34	100	Giỏi
42.	20521423	Nguyễn Ngọc Huyền	CTTT2020	8.88	100	Giỏi
43.	20521440	Võ Hưng Khang	CTTT2020	8.76	100	Giỏi
44.	20521472	Nguyễn Văn Trường Khoa	CTTT2020	9.14	100	Xuất sắc
45.	20521653	Ngô Bá Trọng Nghĩa	CTTT2020	8.56	100	Giỏi
46.	20521694	Đông Phúc Nhẫn	CTTT2020	8.06	100	Giỏi
47.	20521721	Vương Thị Yến Nhi	CTTT2020	8.77	100	Giỏi
48.	20521824	Phạm Hà Minh Quyên	CTTT2020	8.86	100	Giỏi
49.	20521834	Trần Trọng Sang	CTTT2020	8.04	100	Giỏi
50.	20521920	Nguyễn Minh Thành	CTTT2020	8.68	100	Giỏi
51.	20521935	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	CTTT2020	8.44	100	Giỏi
52.	20522000	Nguyễn Nhất Thương	CTTT2020	9.07	100	Xuất sắc
53.	20522096	Huỳnh Khả Tú	CTTT2020	8.93	100	Giỏi
54.	20522181	Nguyễn Quang Vy	CTTT2020	8.96	100	Giỏi
55.	21520482	Võ Thị Thu Tiên	CTTT2021	8.62	100	Giỏi
56.	21520652	Lưu Minh Chủ	CTTT2021	8.24	91	Giỏi
57.	21520664	Nguyễn Chí Cường	CTTT2021	8.34	100	Giỏi
58.	21520890	Lê Nguyễn Gia Hưng	CTTT2021	8.3	95	Giỏi
59.	21521685	Hồ Ngọc Tường Vy	CTTT2021	8.71	100	Giỏi
60.	21521832	Nguyễn Lâm Nhật Anh	CTTT2021	8.74	100	Giỏi
61.	21521844	Lê Hữu Bách	CTTT2021	8.53	95	Giỏi
62.	21521855	Nguyễn Lương Gia Bảo	CTTT2021	8.1	100	Giỏi
63.	21521885	Lê Thị Ngọc Châu	CTTT2021	8.4	100	Giỏi
64.	21521906	Nguyễn Toàn Tiến Cường	CTTT2021	8.14	100	Giỏi
65.	21521911	Lê Bá Đắc	CTTT2021	8.6	95	Giỏi
66.	21521961	Lê Mã Anh Đức	CTTT2021	8.06	100	Giỏi
67.	21522021	Huỳnh Thị Hà Giang	CTTT2021	8.44	100	Giỏi
68.	21522195	Nguyễn Toàn Khang	CTTT2021	8.3	86	Giỏi
69.	21522249	Trần Trung Kiên	CTTT2021	8.01	90	Giỏi
70.	21522318	Dương Lý Tuyết Mai	CTTT2021	8.19	95	Giỏi
71.	21522321	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	CTTT2021	8.5	95	Giỏi
72.	21522322	Trần Ngọc Xuân Mai	CTTT2021	8.11	100	Giỏi
73.	21522330	Phạm Đức Mạnh	CTTT2021	8.34	100	Giỏi
74.	21522331	Trần Hữu Mạnh	CTTT2021	8.34	100	Giỏi
75.	21522335	Hoàng Ngọc Minh	CTTT2021	8.41	100	Giỏi



TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
76.	21522340	Mai Đăng Minh	CTTT2021	8.36	86	Giỏi
77.	21522385	Võ Thái Ngọc	CTTT2021	8.43	98	Giỏi
78.	21522392	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	CTTT2021	8.39	95	Giỏi
79.	21522398	Trần Ngọc Khôi Nguyên	CTTT2021	8.51	98	Giỏi
80.	21522431	Lê Quỳnh Như	CTTT2021	8.06	99	Giỏi
81.	21522444	Lý Tấn Phát	CTTT2021	8.24	95	Giỏi
82.	21522445	Ngô Thuận Phát	CTTT2021	8.19	95	Giỏi
83.	21522508	Đặng Hữu Quang	CTTT2021	8.6	95	Giỏi
84.	21522615	Nguyễn Sĩ Thi	CTTT2021	8.3	98	Giỏi
85.	21522624	Ngô Trung Thiện	CTTT2021	8.04	98	Giỏi
86.	21522625	Nguyễn Hữu Thiện	CTTT2021	8.29	90	Giỏi
87.	21522644	Nguyễn Minh Thông	CTTT2021	8.49	100	Giỏi
88.	21522697	Phạm Thị Thùy Trang	CTTT2021	8.13	100	Giỏi
89.	21522744	Nguyễn Tuấn Tú	CTTT2021	8.1	95	Giỏi
90.	21522752	Lương Anh Tuấn	CTTT2021	8.24	91	Giỏi
91.	21522753	Nguyễn Đại Anh Tuấn	CTTT2021	9.17	97	Xuất sắc
92.	21522767	Vũ Quốc Tuấn	CTTT2021	8.29	95	Giỏi
93.	21522795	Đỗ Lập Trường Vũ	CTTT2021	8.24	95	Giỏi
94.	18520740	Lưu Văn Hiếu	HTCL2018.1	8.66	100	Giỏi
95.	18520763	Nguyễn Thái Hòa	HTCL2018.1	8.29	91	Giỏi
96.	18520836	Lưu Quốc Huy	HTCL2018.1	8.16	100	Giỏi
97.	18520839	Nguyễn Cường Huy	HTCL2018.1	8.16	100	Giỏi
98.	18520864	Nguyễn Thu Huyền	HTCL2018.1	8.24	100	Giỏi
99.	18520872	Lê Võ Đình Kha	HTCL2018.1	8.65	100	Giỏi
100.	18521104	Lê Ngọc Minh	HTCL2018.2	8.09	100	Giỏi
101.	18521149	Phan Võ Hiếu Nghĩa	HTCL2018.2	8.39	100	Giỏi
102.	18521220	Chung Quang Nhựt	HTCL2018.2	8.05	100	Giỏi
103.	18521319	Đỗ Thanh Quyền	HTCL2018.2	8.09	100	Giỏi
104.	18521320	Đoàn Thực Quyền	HTCL2018.2	8.58	100	Giỏi
105.	18521355	Trần Thị Ánh Sương	HTCL2018.2	8.31	96	Giỏi
106.	18521356	Phạm Tiến Sỹ	HTCL2018.2	8.14	91	Giỏi
107.	18521361	Nguyễn Hữu Tài	HTCL2018.2	8.06	100	Giỏi
108.	18521463	Nguyễn Minh Thư	HTCL2018.2	8.11	100	Giỏi
109.	18521466	Trương Ngọc Anh Thư	HTCL2018.2	8.14	100	Giỏi
110.	18521622	Nguyễn Lê Ngọc Tuyền	HTCL2018.2	8.33	100	Giỏi
111.	19520113	Tạ Quang Huy	HTCL2019.1	9.07	100	Xuất sắc
112.	19520515	Phan Hồng Gia Hân	HTCL2019.1	8.93	100	Giỏi
113.	19520636	Lưu Trần Anh Khoa	HTCL2019.1	8.29	90	Giỏi
114.	19520854	Phạm Hoàng Phúc	HTCL2019.1	8.41	100	Giỏi
115.	19520873	Trần Mẫn Quân	HTCL2019.1	9	100	Xuất sắc
116.	19521171	Đặng Nguyễn Phước An	HTCL2019.1	8.87	100	Giỏi
117.	19521189	Trần Thị Ngọc An	HTCL2019.1	8.28	95	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
118.	19521295	Lê Thị Hồng Cúc	HTCL2019.1	8.43	98	Giỏi
119.	19521517	Lê Bùi Dĩ Hòa	HTCL2019.1	8.37	81	Giỏi
120.	19521520	Phan Phạm Quỳnh Hoa	HTCL2019.1	8.2	95	Giỏi
121.	19521535	Nguyễn Bá Hoàng	HTCL2019.1	8.56	96	Giỏi
122.	19521598	Bùi Quốc Huy	HTCL2019.1	8.4	95	Giỏi
123.	19521758	Nguyễn Thùy Linh	HTCL2019.2	8.5	100	Giỏi
124.	19521788	Nguyễn Hoàng Long	HTCL2019.2	8.44	100	Giỏi
125.	19521881	Nguyễn Thị Thúy Nga	HTCL2019.2	8.38	100	Giỏi
126.	19521923	Trần Nguyễn Hạnh Nguyên	HTCL2019.2	8.05	100	Giỏi
127.	19521960	Võ Hoàng Nhật	HTCL2019.2	8.33	91	Giỏi
128.	19521987	Huỳnh Văn Pháp	HTCL2019.2	8.46	100	Giỏi
129.	19522130	Chu Xuân Sơn	HTCL2019.2	8.55	100	Giỏi
130.	19522204	Nguyễn Ánh Trường Thắng	HTCL2019.2	8.55	100	Giỏi
131.	19522304	Huỳnh Minh Thư	HTCL2019.2	8.55	100	Giỏi
132.	19522305	Lê Ngọc Minh Thư	HTCL2019.2	8.01	100	Giỏi
133.	19522411	Phan Thành Bảo Trọng	HTCL2019.2	8.27	98	Giỏi
134.	19522421	Hoàng Nhật Trung	HTCL2019.2	8.46	98	Giỏi
135.	19522443	Nguyễn Viết Trường	HTCL2019.2	8.28	100	Giỏi
136.	20520322	Nguyễn Thị Mỹ Trân	HTCL2020	8.73	100	Giỏi
137.	20520551	Trần Anh Huy	HTCL2020	8.35	100	Giỏi
138.	20520746	Đỗ Huỳnh Mỹ Tâm	HTCL2020	8.26	100	Giỏi
139.	20521203	Thái Tăng Đức	HTCL2020	8.77	100	Giỏi
140.	20521224	Quan Huỳnh Quang Dương	HTCL2020	8.42	100	Giỏi
141.	20521228	Bùi Đức Duy	HTCL2020	8.34	100	Giỏi
142.	20521247	Tô Thái Duy	HTCL2020	8.33	100	Giỏi
143.	20521287	Nguyễn Hoàng Ngọc Hạnh	HTCL2020	8.6	100	Giỏi
144.	20521308	Nguyễn Lê Thái Hiền	HTCL2020	8.51	100	Giỏi
145.	20521348	Nguyễn Việt Hoàng	HTCL2020	8.28	100	Giỏi
146.	20521532	Lưu Thảo Linh	HTCL2020	8.01	100	Giỏi
147.	20521540	Trần Thị Tuyết Linh	HTCL2020	8.57	100	Giỏi
148.	20521544	Võ Đoàn Tổ Loan	HTCL2020	8.12	95	Giỏi
149.	20521551	Phạm Hữu Lộc	HTCL2020	8.19	100	Giỏi
150.	20521622	Lâm Trà My	HTCL2020	8.42	100	Giỏi
151.	20521627	Đỗ Đặng Kiến Nam	HTCL2020	8.14	95	Giỏi
152.	20521643	Bùi Thị Thanh Ngân	HTCL2020	8.75	100	Giỏi
153.	20521678	Nguyễn Trung Nguyên	HTCL2020	8.44	100	Giỏi
154.	20521697	Nguyễn Huỳnh Thiện Nhân	HTCL2020	8.17	95	Giỏi
155.	20521705	Lê Quang Nhật	HTCL2020	8.69	100	Giỏi
156.	20521736	Nguyễn Tấn Phát	HTCL2020	8.23	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
157.	20521750	Trần Thanh Phong	HTCL2020	8.41	100	Giỏi
158.	20521756	Trần Thanh Phú	HTCL2020	8.37	100	Giỏi
159.	20521771	Phạm Trọng Phúc	HTCL2020	8.07	100	Giỏi
160.	20521823	Nguyễn Tú Quyên	HTCL2020	8.31	100	Giỏi
161.	20521845	Nguyễn Ngọc Sơn	HTCL2020	8.22	100	Giỏi
162.	20521865	Dương Bảo Tâm	HTCL2020	8.81	100	Giỏi
163.	20521913	Lê Ngọc Mai Thanh	HTCL2020	8.29	100	Giỏi
164.	20521973	Nguyễn Thị Trang Thơ	HTCL2020	8.49	100	Giỏi
165.	20521985	Lê Anh Thư	HTCL2020	8.89	100	Giỏi
166.	20522040	Nguyễn Thị Thảo Trang	HTCL2020	8.37	100	Giỏi
167.	20522093	Võ Lâm Trường	HTCL2020	8.36	100	Giỏi
168.	20522099	Nguyễn Thanh Tú	HTCL2020	8.04	96	Giỏi
169.	20522104	Trương Nguyễn Thanh Tú	HTCL2020	8.05	100	Giỏi
170.	20522125	Phạm Phú Tuấn	HTCL2020	8.49	100	Giỏi
171.	20522135	Lê Phương Tuyết	HTCL2020	8.3	100	Giỏi
172.	20522158	Lê Vinh	HTCL2020	8.4	96	Giỏi
173.	20522160	Nguyễn Quốc Vinh	HTCL2020	8.04	99	Giỏi
174.	20522180	Lưu Yến Vy	HTCL2020	8.28	100	Giỏi
175.	21520215	Nguyễn Trương Đình Giang	HTCL2021	8.73	98	Giỏi
176.	21520259	Huỳnh Mạnh Huy	HTCL2021	8.56	99	Giỏi
177.	21520283	Lê Quốc Khánh	HTCL2021	8.57	100	Giỏi
178.	21520430	Lê Xuân Quỳnh	HTCL2021	9.26	100	Xuất sắc
179.	21520595	Trần Phương Anh	HTCL2021	8.2	98	Giỏi
180.	21520621	Ninh Thiên Bảo	HTCL2021	8.62	100	Giỏi
181.	21520653	Trịnh Thị Mỹ Chung	HTCL2021	8.27	95	Giỏi
182.	21520673	Phan Chí Cường	HTCL2021	8.76	100	Giỏi
183.	21520912	Đào Minh Huy	HTCL2021	8.75	100	Giỏi
184.	21520960	Nguyễn Lê Khang	HTCL2021	8.86	100	Giỏi
185.	21521049	Hồ Quang Lâm	HTCL2021	8.47	90	Giỏi
186.	21521107	Trần Thị Luyến	HTCL2021	8.41	100	Giỏi
187.	21521115	Trương Gia Mẫn	HTCL2021	8.21	100	Giỏi
188.	21521193	Nguyễn Minh Ngọc	HTCL2021	8.3	100	Giỏi
189.	21521297	Phùng Thiên Phúc	HTCL2021	8.28	100	Giỏi
190.	21521586	Lê Thị Lệ Trúc	HTCL2021	9.02	100	Xuất sắc
191.	21521643	Đào Minh Tuệ	HTCL2021	8.42	100	Giỏi
192.	21521882	Lê Minh Chánh	HTCL2021	8.85	100	Giỏi
193.	21521896	Nguyễn Minh Công	HTCL2021	8.37	95	Giỏi
194.	21521938	Nguyễn Thành Đạt	HTCL2021	8.7	98	Giỏi
195.	21521965	Nguyễn Văn Minh Đức	HTCL2021	9.19	97	Xuất sắc
196.	21521969	Trịnh Đức	HTCL2021	8.74	100	Giỏi
197.	21521971	Trương Minh Đức	HTCL2021	8.84	100	Giỏi
198.	21522030	Phan Nguyễn Lâm Hà	HTCL2021	8.11	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
199.	21522183	Hồ Đắc Khải	HTCL2021	8.16	100	Giỏi
200.	21522187	Chế Duy Khang	HTCL2021	8.05	95	Giỏi
201.	21522200	Trần Quốc Khang	HTCL2021	8.53	100	Giỏi
202.	21522208	Nguyễn Duy Khánh	HTCL2021	8.01	100	Giỏi
203.	21522218	Đỗ Đình Đăng Khoa	HTCL2021	8.28	100	Giỏi
204.	21522328	Ngô Văn Mạnh	HTCL2021	9.23	100	Xuất sắc
205.	21522336	Hoàng Nhật Minh	HTCL2021	8.32	95	Giỏi
206.	21522338	Lê Nguyễn Nhật Minh	HTCL2021	8.34	95	Giỏi
207.	21522391	Nguyễn Bình Nguyên	HTCL2021	8.16	100	Giỏi
208.	21522395	Phạm Cao Nguyên	HTCL2021	9.31	100	Xuất sắc
209.	21522413	Đặng Quang Nhật	HTCL2021	8.34	100	Giỏi
210.	21522527	Trương Đức Quốc	HTCL2021	8.94	100	Giỏi
211.	21522600	Nguyễn Ngọc Thành	HTCL2021	8.03	100	Giỏi
212.	21522610	Trần Phan Thanh Thảo	HTCL2021	8.85	100	Giỏi
213.	21522653	Trương Vĩnh Thuận	HTCL2021	8.48	95	Giỏi
214.	21522662	Nguyễn Thị Thùy	HTCL2021	8.2	100	Giỏi
215.	21522780	Dương Trúc Uyên	HTCL2021	8.17	100	Giỏi
216.	21522781	Nguyễn Khánh Văn	HTCL2021	8.47	100	Giỏi
217.	21522790	Hoàng Quốc Việt	HTCL2021	8.78	100	Giỏi
218.	21522799	Nguyễn Hoàng Vũ	HTCL2021	9	100	Xuất sắc
219.	18520019	Lê Thị Mỹ Diệu	HTTT2018	8.15	100	Giỏi
220.	18520050	Lữ Thị Ngọc Hiền	HTTT2018	8.48	100	Giỏi
221.	18520083	Nguyễn Phương Lan	HTTT2018	8.18	91	Giỏi
222.	18520332	Trần Quốc Phong	HTTT2018	8.68	100	Giỏi
223.	18520345	Đỗ Thị Như Quỳnh	HTTT2018	8.22	86	Giỏi
224.	18520396	Nguyễn Lê Mỹ Uyên	HTTT2018	8.65	100	Giỏi
225.	18520403	Lương Nguyễn Tường Vy	HTTT2018	8.51	91	Giỏi
226.	18520476	Võ Thị Vân Anh	HTTT2018	8.4	100	Giỏi
227.	18520567	Huỳnh Long Thành Đạt	HTTT2018	8.04	100	Giỏi
228.	18520601	Trần Văn Điệp	HTTT2018	8.27	100	Giỏi
229.	18520722	Nguyễn Thanh Hiền	HTTT2018	8.84	100	Giỏi
230.	18520746	Nguyễn Duy Hiệu	HTTT2018	8.53	100	Giỏi
231.	18520813	Lê Thị Thúy Hường	HTTT2018	8.39	100	Giỏi
232.	18520835	Lê Văn Huy	HTTT2018	8.49	100	Giỏi
233.	18520871	Phạm Minh Hy	HTTT2018	8.53	100	Giỏi
234.	18520972	Phạm Tấn Lâm	HTTT2018	8.78	100	Giỏi
235.	18520991	Nguyễn Thị Thùy Linh	HTTT2018	8	95	Giỏi
236.	18521013	Trần Xuân Lộc	HTTT2018	8.04	86	Giỏi
237.	18521016	Bạch Thanh Long	HTTT2018	8.04	96	Giỏi
238.	18521083	Trần Minh Mẫn	HTTT2018	8.32	100	Giỏi
239.	18521102	Lê Duy Minh	HTTT2018	8.21	100	Giỏi
240.	18521120	Hoàng Lê Nam	HTTT2018	8.16	100	Giỏi

 6

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
241.	18521171	Đàm Hữu Nhân	HTTT2018	8.26	100	Giỏi
242.	18521180	Phạm Xuân Nhân	HTTT2018	8.46	100	Giỏi
243.	18521325	Đỗ Thị Thảo Quỳnh	HTTT2018	8.38	100	Giỏi
244.	18521535	Đào Thị Ngân Triều	HTTT2018	8.33	100	Giỏi
245.	18521582	Nguyễn Anh Tú	HTTT2018	8.25	100	Giỏi
246.	18521617	Trần Thanh Tùng	HTTT2018	8.47	100	Giỏi
247.	18521689	Nguyễn Thị Kim Yến	HTTT2018	8.77	100	Giỏi
248.	19520345	Đặng Vũ Phương Uyên	HTTT2019	9.48	100	Xuất sắc
249.	19520365	Đỗ Thị Thanh An	HTTT2019	8.19	98	Giỏi
250.	19520436	Nguyễn Phú Cường	HTTT2019	8.06	95	Giỏi
251.	19520457	Phan Tấn Đạt	HTTT2019	8.5	100	Giỏi
252.	19520631	Đỗ Lê Anh Khoa	HTTT2019	8	96	Giỏi
253.	19520838	Hoàng Đình Phú	HTTT2019	8.15	100	Giỏi
254.	19520853	Nhâm Hồng Phúc	HTTT2019	8.05	100	Giỏi
255.	19520867	Đặng Minh Quân	HTTT2019	8.76	100	Giỏi
256.	19520962	Lý Trần Thanh Thảo	HTTT2019	8.24	100	Giỏi
257.	19521059	Trịnh Thị Thanh Trúc	HTTT2019	8.55	100	Giỏi
258.	19521119	Phạm Bá Vương	HTTT2019	8	90	Giỏi
259.	19521364	Nguyễn Đăng Đô	HTTT2019	8.73	100	Giỏi
260.	19521374	Lê Văn Anh Đức	HTTT2019	8	90	Giỏi
261.	19521467	Nguyễn Thị Hồng Hải	HTTT2019	8.32	100	Giỏi
262.	19521479	Nguyễn Tăng Hào	HTTT2019	8	86	Giỏi
263.	19521498	Lê Thành Hiếu	HTTT2019	8.33	86	Giỏi
264.	19521550	Nguyễn Thị Hồng	HTTT2019	8.66	100	Giỏi
265.	19521582	Phan Trần Khánh Hưng	HTTT2019	8.02	86	Giỏi
266.	19521640	Võ Quang Huy	HTTT2019	8.75	100	Giỏi
267.	19521666	Nguyễn Lê Nguyên Khang	HTTT2019	8.31	100	Giỏi
268.	19521757	Nguyễn Thị Ái Linh	HTTT2019	8.65	100	Giỏi
269.	19521804	Trần Phi Long	HTTT2019	8.02	100	Giỏi
270.	19521811	Nguyễn Văn Lực	HTTT2019	8.47	100	Giỏi
271.	19521890	Trần Kim Ngân	HTTT2019	8.77	100	Giỏi
272.	19521939	Nguyễn Thị Nhân	HTTT2019	8.72	100	Giỏi
273.	19521963	Lê Thị Ái Nhi	HTTT2019	9.06	100	Xuất sắc
274.	19521979	Nguyễn Thành Nội	HTTT2019	8.53	100	Giỏi
275.	19521986	Nguyễn Ngọc Châu Pha	HTTT2019	8.84	100	Giỏi
276.	19522066	Nguyễn Thị Thu Phương	HTTT2019	8.93	100	Giỏi
277.	19522159	Hoàng Trí Tâm	HTTT2019	8.16	100	Giỏi
278.	19522208	Nguyễn Hữu Thắng	HTTT2019	8.24	100	Giỏi
279.	19522221	Đinh Công Thành	HTTT2019	8.09	100	Giỏi
280.	19522264	Nguyễn Ngọc Thiện	HTTT2019	8.31	100	Giỏi
281.	19522285	Nguyễn Tấn Thịnh	HTTT2019	8.21	100	Giỏi
282.	19522357	Đặng Phúc Toàn	HTTT2019	8.03	100	Giỏi

 7

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
283.	19522384	Tần Thùy Trang	HTTT2019	8.37	100	Giỏi
284.	19522538	Trần Thanh Vũ	HTTT2019	8.04	98	Giỏi
285.	19522545	Ngô Tường Vy	HTTT2019	8.37	98	Giỏi
286.	19522552	Ân Hồng Kim Ý	HTTT2019	8.4	100	Giỏi
287.	20520192	Nguyễn Thị Thảo Hồng	HTTT2020	8.55	100	Giỏi
288.	20520267	Trần Thị Mỹ Nhung	HTTT2020	9.02	100	Xuất sắc
289.	20520270	Nguyễn Thành Phát	HTTT2020	8.5	100	Giỏi
290.	20520299	Nguyễn Duy Tài	HTTT2020	9.2	100	Xuất sắc
291.	20520368	Phạm Lê Dịu Ái	HTTT2020	8.03	100	Giỏi
292.	20520415	Đỗ Quỳnh Chi	HTTT2020	9.1	100	Xuất sắc
293.	20520418	Đặng Nghiệp Cường	HTTT2020	8.4	100	Giỏi
294.	20520422	Nguyễn Minh Cường	HTTT2020	8.82	100	Giỏi
295.	20520434	Nguyễn Đạt	HTTT2020	8.94	100	Giỏi
296.	20520450	Nguyễn Hiền Đức	HTTT2020	8.87	100	Giỏi
297.	20520556	Trịnh Gia Huy	HTTT2020	8.65	100	Giỏi
298.	20520661	Phạm Ngọc Nguyên	HTTT2020	8.3	100	Giỏi
299.	20520667	Lương Nguyễn Thành Nhân	HTTT2020	8.47	100	Giỏi
300.	20520673	Nguyễn Hoàng Nhật	HTTT2020	8.06	100	Giỏi
301.	20520679	Võ Phạm Thùy Nhung	HTTT2020	8.73	100	Giỏi
302.	20520763	Lê Công Thành	HTTT2020	8.75	100	Giỏi
303.	20520769	Trần Thu Thảo	HTTT2020	8.6	100	Giỏi
304.	20520811	Trần Trọng Tín	HTTT2020	8.43	100	Giỏi
305.	20520839	Võ Thanh Tú	HTTT2020	8.14	100	Giỏi
306.	20520881	Phạm Hoàng Ngọc Anh	HTTT2020	8.26	100	Giỏi
307.	20520909	Nguyễn Thị Kim Liên	HTTT2020	8.15	100	Giỏi
308.	20520995	Phạm Quang Hòa	HTTT2020	8.05	95	Giỏi
309.	20521013	Võ Nữ Diễm Trang	HTTT2020	8.04	100	Giỏi
310.	20521068	Nguyễn Bảo Anh	HTTT2020	8.21	100	Giỏi
311.	20521083	Trần Thị Ngọc Ánh	HTTT2020	8.57	100	Giỏi
312.	20521252	Lê Hoàng Duyên	HTTT2020	8.79	100	Giỏi
313.	20521498	Nguyễn Anh Kiệt	HTTT2020	8.98	100	Giỏi
314.	20521534	Nguyễn Hoài Linh	HTTT2020	9.41	100	Xuất sắc
315.	20521538	Trần Ngọc Linh	HTTT2020	8.7	100	Giỏi
316.	20521569	Nguyễn Hữu Long	HTTT2020	8.88	100	Giỏi
317.	20521702	Nguyễn Tiến Nhân	HTTT2020	8.23	100	Giỏi
318.	20521718	Tôn Nữ Thảo Nhi	HTTT2020	8.63	100	Giỏi
319.	20521779	Trần Ngọc Mỹ Phương	HTTT2020	8.23	100	Giỏi
320.	20521781	Võ Thanh Phương	HTTT2020	8.85	100	Giỏi
321.	20521825	Đoàn Tú Quỳnh	HTTT2020	8.62	100	Giỏi
322.	20521832	Đỗ Văn Sáng	HTTT2020	8.08	100	Giỏi
323.	20521933	Nguyễn Ngọc Thảo	HTTT2020	8.32	100	Giỏi
324.	20521993	Nguyễn Đức Thuận	HTTT2020	8.7	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
325.	20522043	Võ Thị Hà Trang	HTTT2020	8.71	100	Giỏi
326.	20522071	Nguyễn Hoàng Trung	HTTT2020	8.51	100	Giỏi
327.	20522106	Đặng Minh Tuấn	HTTT2020	9.49	100	Xuất sắc
328.	20522108	Đỗ Mạnh Tuấn	HTTT2020	8.27	91	Giỏi
329.	20522109	Hà Danh Tuấn	HTTT2020	8.98	100	Giỏi
330.	21520086	Huỳnh Lê Phong	HTTT2021	8.26	100	Giỏi
331.	21520094	Lê Trần Anh Quý	HTTT2021	8.56	100	Giỏi
332.	21520151	Bùi Hữu Bằng	HTTT2021	9.21	100	Xuất sắc
333.	21520190	Hồ Quang Đình	HTTT2021	8.27	100	Giỏi
334.	21520191	Vũ Thanh Doan	HTTT2021	8.1	100	Giỏi
335.	21520203	Lê Thùy Dương	HTTT2021	9.1	100	Xuất sắc
336.	21520245	Lê Thị Ánh Hồng	HTTT2021	8.42	100	Giỏi
337.	21520264	Nguyễn Phước Huy	HTTT2021	8.18	90	Giỏi
338.	21520287	Nguyễn Ngọc Gia Khiêm	HTTT2021	9.04	100	Xuất sắc
339.	21520299	Lê Minh Khôi	HTTT2021	8.36	100	Giỏi
340.	21520358	Lưu Hiếu Ngân	HTTT2021	8.84	100	Giỏi
341.	21520385	Trần Ngọc Tổ Như	HTTT2021	9.21	100	Xuất sắc
342.	21520400	Nguyễn Hoàng Phúc	HTTT2021	9.01	95	Xuất sắc
343.	21520414	Trần Minh Quân	HTTT2021	8.28	90	Giỏi
344.	21520429	Đỗ Mai Như Quỳnh	HTTT2021	9.39	100	Xuất sắc
345.	21520484	Ngô Tất Tố	HTTT2021	8.88	100	Giỏi
346.	21520530	Hồ Văn Vinh	HTTT2021	8.8	100	Giỏi
347.	21520584	Phạm Ngọc Ánh	HTTT2021	8.55	100	Giỏi
348.	21520827	Nguyễn Bá Hào	HTTT2021	8.87	98	Giỏi
349.	21520870	Nguyễn Sỹ Lê Hoàng	HTTT2021	9.16	100	Xuất sắc
350.	21520999	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	HTTT2021	8.28	100	Giỏi
351.	21521230	Ngô Thùy Yến Nhi	HTTT2021	9.31	100	Xuất sắc
352.	21521368	Nguyễn Thị Phương Quyên	HTTT2021	9.21	97	Xuất sắc
353.	21521421	Lê Xuân Thạch	HTTT2021	8.66	100	Giỏi
354.	21521428	Hoàng Mạnh Thắng	HTTT2021	8.55	100	Giỏi
355.	21521447	Nguyễn Văn Quốc Thanh	HTTT2021	8.55	95	Giỏi
356.	21521496	Nguyễn Thanh Thư	HTTT2021	8.24	95	Giỏi
357.	21521505	Nguyễn Huy Thực	HTTT2021	8.76	100	Giỏi
358.	21521556	Nguyễn Quốc Trạng	HTTT2021	8.91	100	Giỏi
359.	21521599	Vũ Quang Trung	HTTT2021	8.3	100	Giỏi
360.	21521623	Đoàn Ngọc Tuấn	HTTT2021	8.55	95	Giỏi
361.	21521636	Phạm Trọng Tuấn	HTTT2021	8.74	90	Giỏi
362.	21521692	Võ Ngọc Lệ Xuân	HTTT2021	9.09	100	Xuất sắc
363.	21521850	Mai Quốc Bảo	HTTT2021	9.01	100	Xuất sắc
364.	21521876	Nguyễn Ngọc Bình	HTTT2021	9.26	100	Xuất sắc
365.	21521897	Thị Thành Công	HTTT2021	8.4	98	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
366.	21521932	Đỗ Sĩ Đạt	HTTT2021	8.36	93	Giỏi
367.	21521943	Nguyễn Tiến Đạt	HTTT2021	8.91	100	Giỏi
368.	21521974	Lê Anh Tuấn Dũng	HTTT2021	8.84	93	Giỏi
369.	21521990	Nguyễn Dương	HTTT2021	8.89	95	Giỏi
370.	21521994	Lê Anh Duy	HTTT2021	8.19	100	Giỏi
371.	21521998	Mai Trần Khương Duy	HTTT2021	8.52	100	Giỏi
372.	21522086	Cù Ngọc Hoàng	HTTT2021	9.19	100	Xuất sắc
373.	21522095	Nguyễn Việt Hoàng	HTTT2021	8.04	100	Giỏi
374.	21522101	Trần Minh Hoàng	HTTT2021	8.36	95	Giỏi
375.	21522127	Trần Quốc Hưng	HTTT2021	8.78	100	Giỏi
376.	21522156	Nguyễn Nhật Phương Huy	HTTT2021	8.25	95	Giỏi
377.	21522170	Trần Thanh Huy	HTTT2021	9.51	100	Xuất sắc
378.	21522211	Phạm Duy Khánh	HTTT2021	8.92	100	Giỏi
379.	21522229	Nguyễn Lý Đăng Khoa	HTTT2021	9.53	100	Xuất sắc
380.	21522236	Chế Viết Khôi	HTTT2021	8.33	95	Giỏi
381.	21522283	Nguyễn Thị Mai Liên	HTTT2021	9.24	100	Xuất sắc
382.	21522300	Lê Bá Nhất Long	HTTT2021	8.11	95	Giỏi
383.	21522351	Nguyễn Ngọc Hà My	HTTT2021	8.04	100	Giỏi
384.	21522352	Nguyễn Thị Trà My	HTTT2021	8.5	93	Giỏi
385.	21522369	Đỗ Thị Bích Ngân	HTTT2021	8.67	95	Giỏi
386.	21522438	Trần Thị Hồng Nhung	HTTT2021	8.27	95	Giỏi
387.	21522479	Trần Hoàng Phúc	HTTT2021	9.09	100	Xuất sắc
388.	21522541	Cao Hoài Sang	HTTT2021	8.31	95	Giỏi
389.	21522616	Quảng Đại Thi	HTTT2021	8.11	95	Giỏi
390.	21522714	Trương Công Quốc Triệu	HTTT2021	9.18	100	Xuất sắc
391.	21522751	Lê Văn Tuấn	HTTT2021	9.04	100	Xuất sắc
392.	21522791	Nguyễn Hoàng Việt	HTTT2021	8.59	100	Giỏi

Danh sách gồm 392 sinh viên.


